

**CÔNG TY TNHH TÂN BẮC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TÂN BẮC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAN BAC COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TAN BAC CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703082139

**3. Ngày thành lập:** 12/09/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

68/6 Đại Lộ Bình Dương, Khu phố Trung, Phường Vĩnh Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274.3766777

Fax:

Email: [bigmorebd@gmail.com](mailto:bigmorebd@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                             | 4511     |
| 2.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                              | 4530     |
| 3.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                           | 4543     |
| 4.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới<br>(trừ môi giới bất động sản, môi giới bảo hiểm)                                                                                                                              | 4610     |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện.                                                                                     | 4649     |
| 6.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>Chi tiết: Bán buôn thiết bị camera quan sát, phòng cháy chữa cháy, hệ thống chống sét, hệ thống quản lý khóa cửa, hệ thống máy bấm thẻ, máy đổi thoại màn hình, hệ thống nhận đầu vân tay | 4652     |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                          | 4653     |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                 | 4659     |
| 9.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Bán buôn các loại dầu bôi trơn, dầu nhớt, phụ gia dùng cho máy móc, thiết bị và công nghiệp .<br>(trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)             | 4661     |
| 10. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(trừ kinh doanh vàng miếng)                                                                                                                                                                              | 4662     |
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                         | 4663     |

|     |                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu<br>(trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí ; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở) | 4669        |
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>(trừ Dịch vụ lấy lại tài sản; Máy thu tiền xu đỗ xe; Hoạt động đấu giá độc lập; Quản lý và bảo vệ trật tự tại các chợ)                            | 8299        |
| 14. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                                   | 6810        |
| 15. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết : cho thuê ô tô, cho thuê xe có động cơ khác; cho thuê tháp cầu trục.                                                                                                                     | 7710        |
| 16. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ bán buôn hóa chất, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí)                                                                    | 4690        |
| 17. | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh<br>(trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b)                                                                                    | 2013        |
| 18. | Sản xuất sản phẩm từ plastic<br>(trừ Sản Xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b)                                                                                                            | 2220        |
| 19. | Sản xuất các cấu kiện kim loại<br>Chi tiết: sản xuất các cấu kiện kim loại ( Không sản xuất tại trụ sở chính)                                                                                                                | 2511        |
| 20. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                             | 2591        |
| 21. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                 | 2592        |
| 22. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu                                                                                                                                                                  | 2599        |
| 23. | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng<br>Chi tiết: sản xuất máy xây dựng( Không sản xuất tại trụ sở chính)                                                                                                                   | 2824        |
| 24. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>(trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)                                                                                                                                                           | 4933        |
| 25. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy đào, máy xúc, máy ủi, máy nghiền đá<br>Cho thuê các loại xe, tháp cầu trục, máy móc công nghiệp.                    | 7730        |
| 26. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                | 3100(Chính) |
| 27. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                   | 3312        |
| 28. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                      | 3320        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                             |                                                              |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 29. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|

**6. Vốn điều lệ:** 4.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên       | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức   | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ THỊ KIM NHƯ       | Việt Nam  | Ấp Bình Mỹ A, Xã Bình Thạnh, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam    | 3.000.000.000         | 75,000    | 341951092                                                                                               |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ NGỌC BÌNH | Việt Nam  | 100A/96 Dương Bá Trạc, Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 1.000.000.000         | 25,000    | 079175012322                                                                                            |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: LÊ THỊ KIM NHƯ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/03/2001

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 341951092

Ngày cấp: 30/05/2019

Nơi cấp: Công an Tỉnh Đồng Tháp

Địa chỉ thường trú: Ấp Bình Mỹ A, Xã Bình Thạnh, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 1032, TBD số 10, Đường Tân Phước Khánh 32, Khu Phố Khánh Lộc, Phường Tân Phước Khánh, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương